TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST
Ngày 10-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự
Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

Vi Thị J, sinh năm 1986. HKTT: Số 4/145/19/11 Nguyễn Văn Cừ, S, C, Hà Nội; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn Hái, sinh năm 1961 và bà Hà Thị Liên, sinh năm 1964; chồng tên Nguyễn Văn Hồng sinh năm 1982 và có 02 con: lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 370 Công an huyện K lập ngày 20/10/2020 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: không; Bắt tạm giam ngày 19/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. "Có mặt".

Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. HKTT: Thôn T, xã V, huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn D Sơn sinh năm 1960 và bà Trần Thị My, sinh năm 1962, vợ tên Liêu Thị S, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2013; Tiền án tiền sự theo danh chỉ bản số 371 Công an huyện K lập ngày

20/10/2020 và Lý lịch bị can chính quyền địa phương cung cấp: không. Bắt tạm giam ngày 19/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội. "Có mặt".

Người bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983, nơi cư trú: Số 1/670//15/15 F, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt"

Người làm chứng:

+ Chị Liêu Thị S, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, Hà Nội. "Có mặt"

+ Anh Đinh Xuân D, sinh năm 1993, HKTT: M, M, Quảng Ninh; nơi cư trú: Số 79, ngõ 154 S, quận C, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2020 do Nguyễn Văn T nghi ngờ vợ là chị Liêu Thị S có quan hệ tình cảm bên ngoài, nên chị Liêu Thị S thừa nhận với Nguyễn Văn T là anh Trần Văn H với chị S có quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng tháng 4/2020. Do chồng phát hiện nên chị S nói với anh H dừng quan hệ tình cảm. Khoảng 8 giờ 30 ngày 29/7/2020 anh H nhìn thấy T đi qua nhà vài ba lần, do lo sợ T nói với vợ, nên anh H xin số điện thoại của T qua chị S để chủ động gặp. Tại đây, anh H đã xin lỗi T về việc làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của T, nH T và J vẫn chưa đồng ý vì cho rằng anh H xin lỗi không thành khẩn. Quá trình nói chuyện thì J ngồi cạnh anh H, J cầm cốc nước hắt vào mặt người anh H, sau khi bị hắt nước thì anh H đề nghị với T cho bồi thường 50.000.000 đồng để T bỏ qua mọi chuyện, nH T yêu cầu 300.000.000 đồng. Anh H nói không thu xếp được, T đe dọa anh H là đã nắm được thông tin, lịch trình sinh hoạt của vợ con anh H và nói *"đã từng đi tù một lần, đi nữa cũng không sao"*. Anh H sợ vợ con biết sẽ ảnh hưởng hạnh phúc gia đình và sợ vợ con gặp nguy hiểm, nên anh H xin giảm số tiền trên. T lại yêu cầu mức 200.000.000 đồng, nH anh H vẫn nói không thể thu xếp được. J nói với anh H là quỳ xuống xin lỗi T thì T giảm cho 50.000.000 đồng. Anh H đã quỳ xuống xin lỗi T. J đã sử dụng điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của mình quay video khi anh H quỳ xin lỗi. Sau đó J nói *"Mày có khả năng đưa được cho em tao bao nhiêu và thời gian nào mày đưa được cho em tao"*. Vì sợ nên anh H bảo chuyển khoản được 100.000.000 đồng cho T ngay, vì T không nhớ tài khoản nên T bảo J là "*chị có số tài khoản thì cho em mượn để H chuyển tiền vào*". J đọc cho anh H số tài khoản và anh H đã chuyển khoản ngay 2 lần vào tài khoản của J mỗi lần 50.000.000 đồng. Sau khi chuyển khoản xong thì J bảo D ra quầy xin giấy bút nH không nói cho D lấy giấy bút làm gì. D lấy giấy bút vào đưa J xong thì J bảo D chở S về. J đưa giấy

bút cho anh H và yêu cầu anh H viết giấy nhận nợ tiền T 50.000.000 đồng và phải trả trong vòng 07 ngày, anh H đã đồng ý và viết giấy nhận nợ xong thì đưa cho J. J chụp ảnh Giấy nhận nợ bằng điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của mình, sau đó tất cả ra về. Sau đó, J đưa Giấy nhận nợ cho S, S đã đốt giấy nhận nợ trên. Số tiền 100.000.000 đồng J nhận của anh H thì J đã đưa lại cho T. Ngày 01/8/2020, sau khi anh H làm đơn tố giác tại Công an thì T bảo J phải chuyển khoản trực tiếp trả lại anh H toàn bộ 100.000.000 đồng và J đã chuyển lại 100.000.000 đồng cho anh H bằng hình thức chuyển khoản.

Do S đã đốt Giấy nhận nợ nên không thu giữ được bản gốc Giấy nhận nợ. Thu giữ được bản in bức ảnh chụp Giấy nhận nợ tại điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của J, J đã xác nhận. Thu giữ được bản clip quay lại cảnh anh H quỳ xin lỗi T tại điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của J.

Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu lịch sử giao dịch số tài khoản 19033088222012 tại Ngân hàng Vietcombank từ ngày 29/7/2020 đến ngày 03/8/2020 mang tên Vi Thị J.

Bản cáo trạng số 09/CT-VKS-GL ngày 21/01/2021 của VKSND huyện K truy tố bị cáo Vi Thị J và Nguyễn Văn T tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

+ Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng truy tố, không sửa đổi bổ sung gì, mục đích T và J đi gặp anh H để nói chuyện. Đến nơi thì anh H đã thừa nhận có quan hệ tình cảm với chị S, đã xin lỗi T. T trình bày là do anh H chủ động đề xuất bồi thường 50.000.000 đồng, nên bị cáo mới nảy sinh ý định đòi 300.000.000 đồng, bị cáo và J có dọa nạt anh H, để buộc anh H phải đưa nhiều tiền cho bị cáo. J đi cùng vì T không biết nói gì với anh H, gọi J đi để J nói chuyện, chứ mục đích không phải để cưỡng đoạt tiền của anh H. J trình bày: T gọi đi nói chuyện với anh H thì đi, chứ đến nơi T là người nói ra số tiền 300.000.000 đồng với anh H. Do T không có tài khoản nên nhờ tài khoản của J. J đã nhận chuyển khoản của anh H 100.000.000 đồng, khi sự việc bị phát hiện thì J và T đã bàn bạc để J chuyển trả lại cho anh H bằng chuyển khoản. Nếu sự việc không bị phát hiện thì J cũng không được lợi gì trong số tiền 100.000.000 đồng đó. J thừa nhận trong quá trình nói chuyện với anh H, J có hắt nước vào mặt anh H, có bắt anh H quỳ xin lỗi, có bắt anh H viết giấy nhận nợ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đưa ra tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xác định trong vụ án, T là người khởi xướng, J là người thực hành tích cực, hai bị cáo phạm

tội đồng phạm có vai trò ngang nhau, trong vụ án này người bị hại có 1 phần lỗi. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 BLHS xử phạt T và J đều từ 28 đến 32 tháng tù, hạn tù tính từ ngày 19/10/2020. Về dân sự: Anh H không có yêu cầu gì về dân sự, đề nghị không xem xét giải quyết. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTDS 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của J, J đã sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị cho tịch thu sung công.

-Đối với Đinh Xuân D, Liêu Thị S là 2 người đi cùng T, J: Với D thì cả D và J đều thừa nhận D không biết gì, không được bàn bạc, không có hành động gì đe dọa H, không chứng minh được hành vi phạm tội của D đề nghị không xem xét giải quyết; Với Liêu Thị S do T bảo đi thì đi, S không có hành vi đe dọa, lời nói đe dọa gì với H nên không xem xét xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo J và T: Bị cáo T thừa nhận có đe dọa anh H bằng lời nói thể hiện các câu: "*đã đi tù 1 lần rồi, đi thêm lần nữa cũng không sao", "tôi đã biết hết lịch trình sinh hoạt của vợ con anh",* J thừa nhận hắt nước vào mặt, người anh H, bắt anh H quỳ xin lỗi, bằng các hành vi lời nói đe dọa trên mà anh H sợ vợ con biết việc mình có quan hệ trai gái bên ngoài hoặc gặp nguy hiểm nên anh H đề xuất đền bù 50.000.000 đồng bồi thường vì phá vỡ hạnh phúc gia đình T, nH T không đồng ý, đòi 300.000.000 đồng, sau khi hai bên kỳ kèo anh H đã đồng ý mức 150.000.000 đồng. Hành vi của J và T là hành vi dùng thủ đoạn khác (lời nói của T, hành vi của J) nhằm uy hiếp tinh thần để buộc anh H phải đưa 150.000.000 đồng cho T đã đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản. H đã chuyển khoản xong 100.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng viết Giấy nhận nợ. Số tiền chuyển khoản đã được chứng minh bằng Ngân hàng Vietcombank đã xác nhận tài khoản đó đúng là của Vi Thị J và tài khoản chuyển đi là của anh H đủ căn cứ chứng minh tổng số tiền chiếm đoạt là 150.000.000 đồng. Nên hành vi của T, J đã đủ yếu tố định khung tại điểm d khoản 2 Điều 170 của BLHS. Các bị cáo cùng

nhau thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc, phân công vai trò, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ nguyên nhân người bị hại có lỗi. T với vai trò chủ mưu rủ J đi, là người đặt vấn đề đưa ra số tiền, nếu không bị phát hiện T là người hưởng lợi toàn bộ số tiền chiếm đoạt; J là người thực hành tích cực, không được hưởng lợi gì. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là quyền tài sản của công dân được Bộ luật hình sự bảo vệ với số tiền định khung tại khoản 2 từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo (BL194) là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ. Do các bị cáo có từ hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên xem xét cho các bị cáo được hưởng Điều 54 của BLHS xử phạt dưới khung hình phạt là phù hợp với chính sách khoan hồng của Pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo chưa được hưởng lợi, đều là trụ cột gia đình, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Anh H không yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại Iphone Xs Max màu vàng của bị cáo J, bị cáo J đã sử dụng vào việc phạm tội là quay clip cảnh anh H quỳ xin lỗi T, chụp ảnh Giấy nhận nợ của anh H viết cho T, cho tịch thu sung công là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Đối với anh Đinh Xuân D và chị Liêu Thị S đi cùng T và J, không chứng minh được anh D và chị S có hành vi phạm tội nên không xem xét giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Vi Thị J phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s b khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 38, 17, 58, 47 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 30 (Ba mươi) tháng tù, hạn tù tính từ ngày

19/10/2020.

Xử phạt bị cáo **Vi Thị J** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, hạn tù tính từ ngày 19/10/2020.

2. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. *Về dân sự:* Không

4.*Về vật chứng:* Tịch thu sung công 01 điện thoại di động của Vi Thị J, nhãn hiệu Iphone Xs Max màu vàng có số IMEI 357281096960559, số sim 097.783.1901, máy đã qua sử dụng kèm 01 ốp điện thoại Iphone Xs Max chất liệu nhựa trong tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội.

5. *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Văn T, Vi Thị J mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho các bị cáo T, bị cáo J có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- BÞ c¸o;
- Tßa ¸n nh©n d©n TP Hµ Néi;
- C«ng an huyÖn Gia L©m;
- VKSND huyÖn Gia L©m;
- THADS huyÖn Gia L©m;
- L-u hå s¬ vô ¸n;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thiên Hương